

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 03 (Đợt 2)

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 24 – 25/03/2021

Ngày cung cấp TT: 25/03/2021

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống mở.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống đóng.
4	4	Cống sông Chanh	Cống đóng.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cỏ Đam	Cống mở.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Cống đóng.
11	14	Đập La Chợ	Đập mở.
12	15	Đập Biên Hòa	Đập đóng.
13	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cổng Như Trác.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên,**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Vĩnh Trị, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Biên Hòa, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy).**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Cổng Sông Chanh, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đàm, Đầu kênh T3, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập Vùa (CG12), Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh C19, Đầu kênh T6.**

Tận dụng mực nước triều cao để lấy nước cải thiện chất lượng nước trong hệ thống. Tăng cường lấy nước từ Hữu Bị nhằm cải thiện chất lượng nước trên trục sông Châu Giang và cải thiện chất lượng nước trên trục sông Sắt qua đập An Bài.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		0.3			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		0.3			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		0.9			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		0.9			
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 75%, gió Bắc 3 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy chậm, cống	7.45	26.3	7.06	0.1	0.287	190	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9		
		Bắc huyện Bình Lục.	mở lấy nước từ sông Hồng, trạm bơm đang bơm lấy nước. Nước màu xanh.							động, thực vật thủy sinh.
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 80%, gió Bắc 3 km/h, mật độ mây 95%. Cổng mở, nước sông Hồng vào chậm. Trạm bơm đang lấy nước tưới. Nước màu xanh.	7.41	25.2	7.16	0.1	0.326	182	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	Cổng Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 83%, gió Bắc 3 km/h, mật độ mây 92%. Không có dòng chảy, cổng đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Nước xanh lục.	7.39	20.3	6.04	0.2	0.684	280	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	Cổng Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời hừng nắng, t° = 21°C, độ ẩm 75%, gió BĐB 4 km/h, mật độ mây 100%. Cổng đóng, không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục. Nước có	6.96	29.9	5.82	0.4	1.166	567	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2015 A1	6 – 8.5		6		0.3		
			QCVN 08:2015 A2	6 – 8.5		5		0.3		
			QCVN 08:2015 B1	5.5 – 9		4		0.9		
			QCVN 08:2015 B2	5.5 – 9		2		0.9		
			hiện tượng tù đọng, phú dưỡng.							
5	Cổng Nhâm Trảng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Trảng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời nắng, t° = 22°C, độ ẩm 49%, gió ĐB 3 km/h, mật độ mây 62%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Hạ lưu cống dồn nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	7.48	11.8	5.2	0.3	0.824	575	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	Cổng Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 48%, gió Đông 3 km/h, mật độ mây 50%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	7.23	16.8	5.15	0.4	1.150	596	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	Cổng Cổ Đàm	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đàm, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 48%, gió Đông 3 km/h, mật độ mây 50%. Dòng chảy nhanh, đang tiêu nước từ nội đồng ra sông Đáy, cống mở, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.12	15.7	5.56	0.4	1.041	601	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9		
8	Cổng Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng, t° = 22°C, độ ẩm 73%, gió ĐB 3 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu đang làm lại cầu, cống. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.39	23.8	5.12	0.4	0.816	516	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 85%, gió Bắc 3 km/h, mật độ mây 92%. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước cao. Nước màu xanh lục.	7.02	19.1	5.46	0.3	0.979	474	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 47%, gió ĐĐN 3 km/h, mật độ mây 52%. Dòng chảy chậm về hướng Cầu Tào. Mực nước trung bình. Dưới sông có nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	7.33	13.5	4.1	0.5	1.127	614	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nắng, t° = 22°C, độ ẩm 73%, gió ĐB 3 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, mực nước trung bình. Trên	7.2	17.2	5.47	0.3	0.676	495	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9		
			sông có nhiều bèo. Nước màu xanh lục.							thủy sinh.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, t° = 20°C, độ ẩm 76%, gió Bắc 3 km/h, mật độ mây 99%. Không có dòng chảy, đập đóng. Dưới chân đập dồn ứ nhiều bèo và rác thải. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	6.8	15.1	4.4	0.4	0.793	583	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 48%, gió ĐB 2 km/h, mật độ mây 60%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Nước màu xanh lục. Nước có hiện tượng tù đọng, phú dưỡng.	7.12	8.1	4.51	0.3	1.352	460	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	Đập La Chờ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nắng, t° = 18°C, độ ẩm 82%, gió BTB 3 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy chậm. Mực nước cao. Nước từ trạm bơm Hữu Bị bơm về. Nước màu xanh lục.	6.87	26.3	6.1	0.2	0.637	337	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		0.3			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		0.3			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		0.9			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		0.9			
15	Đập Biên Hòa	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 47%, gió ĐĐN 3 km/h, mật độ mây 52%. Không có dòng chảy, đập đóng. Nước màu xanh lục.	7.2	16.3	4.6	0.4	0.754	572	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	Đập Vù (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 75%, gió Bắc 2 km/h, mật độ mây 97%. Không có dòng chảy, đập đóng, mực nước thấp. Nước màu vàng xanh, có hiện tượng tù đọng, phú dưỡng.	6.81	13	4.38	0.4	1.010	544	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng, t° = 20°C, độ ẩm 76%, gió Bắc 3 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy rất chậm về hướng Hữu Bị. Mực nước trung bình. Nước có hiện tượng phú dưỡng. Nước màu xanh.	6.97	19.9	4.48	0.4	1.274	500	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 47%, gió Đông 3 km/h, mật độ mây 52%. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đam, mực	7.11	14.3	5.2	0.3	0.707	562	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9		
		Liên.	nước cao, dưới kênh có nhiều bèo, nước màu xanh lục.							thủy sinh.
19	Đầu kênh C19	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời hửng nắng, t° = 21°C, độ ẩm 75%, gió BDB 4 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, mực nước trung bình. Nước màu vàng lục.	7.09	20.4	5.48	0.8	1.064	1030	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 73%, gió BDB 3 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, mực nước thấp. Dưới kênh người dân nuôi nhiều vịt. Nước màu xanh lục.	6.98	30.8	4.76	0.4	1.197	545	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

ĐƠN VỊ QUAN TRẮC